

Tổ chức kiểm soát nhà nước đối với chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

ThS. NGUYỄN TỐ TÂM

Đại học Điện lực

Trong nền kinh tế hiện đại, với sự phát triển của thị trường vốn, không thể thiếu các công ty niêm yết (CTNY- listed company), theo đó, thông tin kế toán- tài chính (KTTC) của CTNY phải được công khai theo luật định. Với vai trò quan trọng trong nền kinh tế, những thông tin KTTC, sự tăng- giảm giá cổ phiếu của các CTNY phản ánh rõ nét sự thịnh vượng hay suy thoái của nền kinh tế. Khi đầu tư vào các CTNY, do yêu cầu minh bạch thông tin cao hơn nên nhà đầu tư cảm thấy an toàn hơn. Nhưng những gian lận trên các thông tin KTTC gần đây cho thấy, mức độ tin cậy của thông tin vẫn đang có những điểm hoài nghi. Một trong những hoài nghi là vai trò kiểm soát yếu từ chính CTNY (kiểm soát nội bộ) và tổ chức kiểm soát Nhà nước (KSNN- kiểm soát bên ngoài) trong việc cung cấp thông tin tài chính có chất lượng tới nhà đầu tư.

Mục tiêu bài viết nhằm tìm hiểu về mối liên hệ giữa tổ chức KSNN đối với chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Nghiên cứu đã tìm ra mối liên hệ, nhân tố ảnh hưởng quan trọng của tổ chức KSNN đến chất

lượng thông tin KTTC của các CTNY phi tài chính trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), từ đó đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức KSNN trong việc tăng cường chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam.

1. Cơ sở lý thuyết về mối liên hệ giữa tổ chức kiểm soát Nhà nước và chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

1.1. Cơ sở lý thuyết về chất lượng thông tin kế toán tài chính

Những quy định về đặc tính cơ bản về đặc điểm thông tin KTTC thông qua báo cáo tài chính (BCTC) được trình bày trong CFFF (Conceptual Framework for Financial Reporting 2010) của IASB (International Accounting Standards Board) (IFRS 2010). IASB đã chỉ ra cách thức phát triển một hệ thống chuẩn mực kế toán chất lượng cao và được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

Theo CFFF của IASB, chất lượng thông tin KTTC được thể hiện qua BCTC bao gồm: *Sự phù hợp, trình bày trung thực (tin cậy)* (hai yêu cầu căn bản) và các yêu cầu làm gia tăng chất lượng thông tin KTTC là *dễ hiểu, so sánh được, xác nhận và kịp thời*. Các yêu cầu trên được đánh giá bằng thang Likert 5 cấp độ từ Rất quan trọng- Không quan trọng nhằm đánh giá chất lượng thông tin KTTC.

1.2. Cơ sở lý thuyết về kiểm soát Nhà nước với chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán

Quản lý kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý xã hội nói chung và nó phải gắn chặt với

các hoạt động quản lý khác của xã hội. Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động của các cơ quan nhà nước đối với các đơn vị kinh tế cơ sở, các ngành, các địa phương, vùng kinh tế cũng như tổng thể nền kinh tế quốc dân nhằm đạt tới các mục tiêu kinh tế- xã hội đề ra. Quản lý nhà nước về kinh tế được thực hiện thông qua quá trình lựa chọn và thiết lập hệ thống chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế, công cụ và cơ cấu tổ chức kinh tế, đồng thời phải đảm bảo hệ thống thông tin cho các quyết định quản lý kinh tế.

Bên cạnh các chức năng như hoạch định phát triển kinh tế, tổ chức và điều hành nền kinh tế, kiểm soát là chức năng không thể thiếu trong quản lý nhà nước về kinh tế. Vai trò của kiểm soát trong quản lý nhà nước về kinh tế rất quan trọng, như *phát hiện và ngăn ngừa các vi phạm pháp luật, các sai phạm về chính sách, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, các tổ chức và công dân, góp phần tăng cường hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước*.

Vai trò của kiểm soát Nhà nước đối với chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK rất quan trọng. Tổ chức KSNN đối với thái độ của ban quản trị công ty nhằm tăng cường tính minh bạch và sự phù hợp trong việc lập BCTC (N.Klai 2011). Mối quan hệ

giữa kiểm soát nội bộ, KSNN với việc tăng cường chất lượng thông tin tài chính kế toán (thông qua hệ thống BCTC) được nghiên cứu và chứng minh tại một số các quốc gia khác trên thế giới, như tại Tunisia (N.Klai 2011).

Tổ chức bộ máy kiểm soát Nhà nước về thông tin KTTC của các CTNY tại Việt Nam theo quy định của Luật Chứng khoán gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Quốc gia, Sở giao dịch chứng khoán (trong nghiên cứu chỉ tập trung vào HOSE). Bên cạnh đó, những tổ chức, cơ quan chức năng không tham gia trực tiếp trong giám sát thông tin tài chính của các CTNY nhưng có ảnh hưởng nhất định như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ.

Giữa chất lượng thông tin KTTC và tổ chức KSNN (bộ máy, thủ tục kiểm soát) có mối liên hệ mật thiết với nhau như thế nào? Và mối liên hệ này được kiểm chứng trong các CTNY phi tài chính tại HOSE ở Việt Nam? Xuất phát từ những câu hỏi nghiên cứu trên, giả thiết được đặt ra cho quá trình nghiên cứu để kiểm định là:

H_0 : Tổ chức KSNN mạnh không ảnh hưởng tốt đến chất lượng thông tin KTTC

H_1 : Tổ chức KSNN mạnh ảnh hưởng tốt đến chất lượng thông tin KTTC

Mô hình: $FAQ = \beta_0 + \beta_1 SS + \beta_2 SO + \beta_3 Age + \beta_4 Capital + \beta_5 HOSE$



Trong đó:

SS: Ảnh hưởng của bộ máy quản lý trong KSNN

SO: Ảnh hưởng của tác động KSNN

Age: Năm thành lập công ty

Capital: Vốn điều lệ

HOSE: Thời gian niêm yết trên HOSE

1.3. Phương pháp nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng thông tin kế toán tài chính với tổ chức kiểm soát Nhà nước

Nghiên cứu sử dụng thông tin thu thập từ các CTNY của HOSE. Phiếu khảo sát được thiết kế và sau khi thực hiện Pilot survey được gửi cho 100 CTNY phi tài chính của HOSE. Những câu hỏi thu thập và được kiểm tra sự tương quan giữa các câu hỏi bằng Cronbach Alpha thông qua kiểm định trên SPSS và

đều cho kết quả trên 0,8 (đạt độ tin cậy).

Nghiên cứu này thực hiện việc lượng hoá chất lượng thông tin KTTTC của các CTNY được đánh giá, ảnh hưởng của tổ chức KSNN tới chất lượng thông tin KTTTC. Việc kiểm định giả thuyết nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ của tổ chức KSNN tới chất lượng thông tin KTTTC được thực hiện thông qua phần mềm SPSS.

Lượng hoá chất lượng thông tin kế toán tài chính thông qua phương pháp trọng số

Để xây dựng công cụ đánh giá, nghiên cứu đã sử dụng các yêu cầu về chất lượng thông tin KTTTC theo CFFF của IASB. Các yêu cầu trên là quan trọng và quyết định đến thông tin được trình bày trên BCTC. Nghiên cứu sử dụng

thang điểm 1 đến 5 để đánh giá các yêu cầu đặc trưng của chất lượng thông tin KTTTC.

Bằng phương pháp thống kê mô tả, thông qua phần mềm SPSS, tác giả kiểm tra liệu rằng chất lượng thông tin KTTTC có được khẳng định qua các đặc tính yêu cầu về sự phù hợp, trình bày trung thực, xác thực thông tin, dễ hiểu, so sánh được và kịp thời (theo số liệu thu thập các công ty đều nộp BCTC đúng hạn) thông qua tổng hợp sau:

$$FAQ = (R12 + F12 + V12 + U1 + C1) / 5$$

Giả định T1= 1 và không đưa vào phần tính toán (theo số liệu thu thập các công ty đều nộp BCTC đúng hạn).

Trong đó:

FAQ: Chất lượng thông tin KTTTC

R12: Trung bình cộng yêu

Bảng 1. Bảng câu hỏi về chất lượng thông tin kế toán tài chính

Đặc tính	Câu hỏi
Phù hợp (Relevance)	R1- Trong BCTC, bảng phân tích và dự báo tài chính tương lai của công ty được đánh giá?
	R2- Trong BCTC, công ty có trình bày những thông tin phi tài chính (báo cáo quản lý) mô tả về tình hình kinh doanh của công ty và những vấn đề rủi ro liên quan đến thông tin tài chính được đánh giá?
Trình bày trung thực (Faithful representation)	F1- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp theo chế độ kế toán.
	F2- Trình bày nhằm cung cấp thông tin phù hợp, đáng tin cậy, so sánh được và dễ hiểu.
	F3- Cung cấp các thông tin bổ sung để giúp cho người sử dụng hiểu được tác động của những giao dịch hoặc những sự kiện cụ thể đến tình hình tài chính của công ty.
	F4- Đánh giá khả năng hoạt động liên tục của công ty?
Xác thực (Verifiability)	V1- BCTC Công ty được thực hiện kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập
	V2- Tầm quan trọng của ý kiến của KTV độc lập của Công ty ảnh hưởng quyết định kinh tế?
Dễ hiểu (Understandability)	U1- BCTC cung cấp đầy đủ thông tin (bao gồm phân tích, giao dịch nội bộ), ngắn gọn, dễ hiểu được đánh giá.
So sánh được (Comparability)	C1- BCTC cung cấp thông tin so sánh, đánh giá.
Đúng kỳ (Timeless)	T1 - Công ty công bố BCTC năm đúng hạn không?

cầu sự phù hợp trong BCTC

F12: Trung bình cộng yêu cầu trình bày trung thực

V12: Trung bình cộng yêu cầu trình xác thực thông tin

U1: Trung bình cộng yêu cầu dễ hiểu

C1: Trung bình cộng yêu cầu so sánh được

Lượng hoá tổ chức KSNN đối với chất lượng thông tin KTTC

Để đánh giá về ảnh hưởng của bộ máy KSNN và thủ tục KSNN, nghiên cứu đã đưa ra những mục hỏi sau trong phiếu khảo sát như sau:

Câu hỏi 1: Tổ chức KSNN nào có ảnh hưởng lớn đối với quản lý chất lượng thông tin KTTC của các CTNY: Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính, HOSE, Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ.

Trong nội dung câu hỏi 1 của lần thu thập dữ liệu ban đầu, nghiên cứu chưa đề cập đến Chính phủ hay Ủy ban giám sát quốc gia.

Câu hỏi 2: Những tác động của các tổ chức KSNN có ảnh hưởng như thế nào tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY?

Câu hỏi 3: Khi công bố thông tin KTTC không kịp thời, đầy đủ và tin cậy, các chế tài xử lý như hiện nay đã đảm bảo chưa?

2. Kết quả khảo sát mối liên hệ giữa tổ chức kiểm toán Nhà nước với chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tại HOSE)

2.1. Lượng hoá trọng số các yêu cầu về chất lượng thông tin kế toán tài chính

Phù hợp (Relevance): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi hai thành phần R1, R2. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá cao về yêu cầu này trong BCTC với mức trung bình là 4,21 (quan trọng), với mức độ tập trung cao 0,639 (trong mức độ từ 1- 5). Đối với từng thành phần trong yêu cầu này thì R2- "*Trong BCTC, công ty có trình bày những thông tin phi tài chính (báo cáo quản lý) mô tả về tình hình kinh doanh của công ty và những vấn đề rủi ro liên quan đến thông tin tài chính được đánh giá?*" được đánh giá cao hơn với trung bình là 4,47 và mức độ tập trung 0,554. Trong khi đó R1- "*Trong BCTC, bảng phân tích và dự báo tài chính tương lai của công ty được đánh giá?*" có mức trung bình là 3,95 và mức độ tập trung hơn 0,959. Điều này chứng tỏ những thông tin phi tài chính được các công ty cho là quan trọng, đánh giá sự phù hợp về thông tin KTTC.

Trình bày trung thực (Faithful representation): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi bốn thành phần F1, F2, F3 và F4. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá cao về yêu cầu này trong BCTC (cao hơn sự phù hợp- R) với mức trung bình là 4,46 (rất quan trọng), với mức độ tập trung cao 0,527 (trong mức độ từ 1- 5). Các thành phần trong yêu

cầu trình bày trung thực được đánh giá gần như nhau và sát mức trung bình, mức độ tập trung tốt. Điều này chứng tỏ yêu cầu về trình bày trung thực BCTC được đánh giá rất quan trọng trong chất lượng thông tin KTTC.

Xác thực (Verifiability): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi hai thành phần V1 và V2, trong đó V1 được chuyển đổi với thang đo V1x5. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá yêu cầu này trong BCTC là bình thường (trung bình là 3,18), tuy nhiên mức độ phân tán về kết quả nhận được là khá lớn.

Dễ hiểu (Understandability): Trung bình của yêu cầu trên là 4,38 và độ tập trung cao 0,667, yêu cầu "*Dễ hiểu*" được các công ty đánh giá cao khi cung cấp thông tin KTTC.

So sánh được (Comparability): Trung bình của yêu cầu trên là 4,47 và độ tập trung cao 0,599, yêu cầu "*So sánh được*" được các công ty đánh giá cao khi cung cấp thông tin KTTC.

Kịp thời (Timeless): Hầu hết các công ty khảo sát nộp BCTC đúng hạn. Trong phần lượng hoá, vì yêu cầu kịp thời được mô tả với trung bình bằng 1 nên không đưa vào phân tích toán về chất lượng thông tin KTTC.

Theo số liệu phân tích trên phần mềm SPSS cho thấy: Mức trung bình đánh giá chất lượng thông tin KTTC các công ty khảo sát là 4,35 (chất lượng tốt) với mức độ phân tán



nhỏ 0,48, miền số liệu đánh giá từ 3,4- 5.

2.2. Đánh giá mối quan hệ giữa tổ chức kiểm soát Nhà nước với chất lượng thông tin kế toán tài chính

Về ảnh hưởng của các thành phần trong bộ máy quản lý Nhà nước qua kết quả thông kê: Ảnh hưởng của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ là nhỏ nhất (với mức trung bình là 4,05 và độ phân tán cao 0,986), ảnh hưởng của HOSE là lớn nhất (với mức trung bình là 4,6 và độ phân tán thấp 0,545), tiếp sau là UBCKNN (với mức trung bình là 4,45 và độ phân tán thấp 0,552).

Vì Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ có ảnh hưởng không trực tiếp nên khi xác định trọng số lượng hoá ảnh hưởng của tổ chức bộ máy KSNN tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam, tác giả đưa ra những tỷ lệ giả định sau: UBCKNN, HOSE chiếm tỷ trọng 0,3; Bộ Tài chính chiếm tỷ trọng 0,2; Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ chiếm tỷ trọng 0,1. Và kết quả phân tích cho thấy ảnh hưởng của tổ chức bộ máy KSNN tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam là khá cao với mức trung bình là 4,35 và mức độ tập trung cao 0,587.

Chức năng của các tổ chức KSNN đối với quản lý chất lượng thông tin KTTC của CTNY như sau: Các tác động có ảnh hưởng tương đương

nhau và do đó giá trị bình quân của ảnh hưởng tác động của KSNN tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên là mức ảnh hưởng quan trọng 4,42 và mức độ tập trung cao.

Về thủ tục KSNN: Trong 40 phiếu trả lời có 8 ý kiến trả lời hiện nay các chế tài xử phạt với quản lý chất lượng thông tin KTTC chưa được đảm bảo (chiếm tỷ lệ 20%).

Và phiếu trả lời đã nhận được một số đóng góp từ các công ty về KSNN cần thực hiện như thế nào để nâng cao chất lượng thông tin KTTC của các CTNY.

Nhóm ý kiến thứ nhất: Các cơ quan quản lý chức năng ban hành các chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn phù hợp chuẩn mực kế toán quốc tế và thông lệ quốc tế, đặc biệt là các phương pháp hợp nhất BCTC, cách định giá và tính giá trị tài sản, cách trình bày bảng cân đối kế toán, bảng kết quả kinh doanh và các thuyết minh bắt buộc phải có trên BCTC. Trên BCTC, tăng thêm phần phân tích tài chính.

Nhóm ý kiến thứ hai: Các cơ quan quản lý chức năng thực hiện ban hành các chế tài xử lý, đồng thời có hướng dẫn cụ thể và kịp thời. Việc xử lý cần công minh, kịp thời, nghiêm túc, minh bạch, xử nghiêm đối với các công ty công bố thông tin không chính xác.

Nhóm ý kiến thứ ba: KSNN có đội ngũ cán bộ đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, trung thực và trách nhiệm. Các cơ quan quản lý chức năng

cần phải đào tạo những nhân sự phụ trách giới chuyên môn và nghiệp vụ của kế toán- tài chính và hiểu nguyên tắc hoạt động của ngành mình quản lý để có thể kịp thời nhận ra những sai phạm hoặc hiểu được khó khăn doanh nghiệp đang gặp. Nguyên tắc làm việc là hợp tác để việc doanh nghiệp công bố thông tin tốt hơn mà không mang tính hạch sách hành chính.

Lượng hoá mối quan hệ tổ chức KSNN đối với chất lượng thông tin KTTC

Sử dụng SPSS để lượng hoá mối quan hệ giữa chất lượng thông tin KTTC với tổ chức KSNN qua mô hình sau: $FAQ = \beta_0 + \beta_1.SS + \beta_2.SO + \beta_3.Age + \beta_4.Capital + \beta_5.HOSE$

Trong đó:

SS: Ảnh hưởng của bộ máy quản lý trong KSNN

SO: Ảnh hưởng của tác động KSNN

Age: Năm thành lập công ty

Capital: Vốn điều lệ

HOSE: Thời gian niêm yết trên HOSE

Theo số liệu phân tích trên cho thấy mối liên hệ của mô hình ($R^2 = 0,367$) và với độ tin cậy của Sig.F < 5%, bác bỏ giả thiết H_0 và khẳng định giả thiết H_1 - *Tổ chức KSNN mạnh ảnh hưởng tốt đến chất lượng thông tin KTTC.*

Thông qua phân tích ANOVA khẳng định thêm sự biến thiên không tập trung về mô hình kiểm định (3,232 trên tổng sai số là 8,802) và mối liên hệ chặt chẽ với P-value < 5%.

Theo kết quả phân tích trên



cho thấy, ảnh hưởng của bộ máy KSNN tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY là lớn với $Sig < 5\%$ và hệ số $\beta = 0,383$. Nhưng về tác động của KSNN chưa ảnh hưởng nhiều đến chất lượng thông tin KTTC (nguyên nhân có thể do ảnh hưởng của bộ máy quản lý là lớn). Tuy nhiên, khi phân tích riêng tác động của KSNN tới chất lượng thông tin KTTC cho thấy có ảnh hưởng với $Sig. = 0,013$. Các nhân tố khác về quy mô của doanh nghiệp dường như không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC.

3. Kết luận

Cùng với Bộ Tài chính thiết lập hệ thống chuẩn mực kế toán, từ những năm đầu của thế kỷ 21. UBCKNN đã nỗ lực nhằm tăng cường môi trường điều tiết của TTCK quốc gia. Những quy định kế toán là một phần quan trọng của quá trình minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ cho các nhà đầu tư ra quyết định.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tương quan giữa chất lượng thông tin KTTC và tổ chức KSNN, do đó nâng cao chất lượng thông tin KTTC cần gắn liền với việc hoàn thiện tổ chức KSNN cùng các chức năng của tổ chức KSNN. Trong đó, hoàn thiện thể chế cho các tổ chức KSNN có chức năng điều tiết TTCK và ảnh hưởng tới minh bạch, chất lượng thông tin KTTC là kết quả nghiên cứu đã khẳng định. Để tăng cường chất lượng thông tin KTTC của các CTNY, cần

tập trung vào chủ thể quản lý trực tiếp là Sở giao dịch chứng khoán (trong nghiên cứu là HOSE) và UBCKNN.

Những tác động từ phía KSNN có ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KTTC, tuy nhiên chưa được đánh giá cao, điều này đòi hỏi các chủ thể quản lý nên có những tác động tích cực, hợp tác hơn nữa với các CTNY.

Nghiên cứu này chỉ ra rằng nếu thiếu vắng các quy định xử phạt hiệu quả trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC của các công ty. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng dự kiến sự thiết lập hiệu quả của các quy định xử phạt trên thông qua sự điều tiết của Chính phủ, một nhân tố không thể thiếu trong tiến trình phát triển TTCK Việt Nam. Kết luận trên mới dừng ở mức độ với số mẫu nhỏ. Nghiên cứu sẽ tiếp tục được mở rộng với lượng mẫu là toàn bộ các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE. $\hat{\mu}$

Tài liệu tham khảo

1. Agrawal, A., Chadha, S (2005). "Corporate governance and accounting scandals." *Journal of Law and Economics* 48: 371-406.
2. IFRS (2010). *Conceptual Framework for Financial Reporting 2010. Chapter 3: Qualitative characteristics of useful financial information.*
3. Harold Koontz, C. O. D., Heinz Weihrich (1992). *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học & kỹ thuật
4. N.Klai, A. O. (2011). "Corporate Governance and Financial Reporting

Quality: The Case of Tunisian Firms " International Business Research Vol. 4, No. 1; (www.ccsenet.org/ibr): 158-166.

5. Nguyễn Quang Quỳnh (2003). *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính; trang 11-13.

6. Nguyễn Thị Phương Hoa (2009). *Kiểm soát quản lý*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

tiếp theo trang 36

các sản phẩm phái sinh. Qua đó, nhằm cung cấp thêm các loại hàng hóa, nâng cao hiệu quả của việc tái cấu trúc các SGDCK. $\hat{\mu}$

Tài liệu tham khảo

1. Luật Chứng khoán, số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, 62/2010/QH12;
3. Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007;
4. Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK VN giai đoạn 2011-2020;
5. Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc TTCK và doanh nghiệp bảo hiểm";
6. Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 02/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy hoạt động và tăng cường quản lý TTCK;
7. Các trang web www.hnx.vn; www.hsx.vn; www.wikipedia.org
8. "Phát triển và hoàn thiện TTCK Việt Nam trong bối cảnh tái cấu trúc hệ thống tài chính", TS. Vũ Thị Kim Liên, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.